

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 18/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Dương Thị Minh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Lan A, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn B 3, xã B, thành phố C, tỉnh H.

*Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B 2, xã B, thành phố C, tỉnh H.

Chị Lan Anh vắng mặt, anh Nam có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị Lan A và anh N kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố C, tỉnh H, khi đó chị Lan A 20 tuổi, anh N 24 tuổi, anh chị đều làm nông nghiệp tại xã B. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu

thương và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh N. Theo chị Lan A, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ khi về sinh sống cùng với nhau. Nguyên nhân là do anh N mãi chơi, không tu chí làm ăn, cờ bạc nợ nần nhiều. Chị đã tha thứ cho anh N có cơ hội sửa đổi nhưng anh N không sửa. Anh N có nói đi làm xa gửi tiền về trả nợ nhưng anh N không gửi tiền về lo cho vợ con, cũng không trả nợ. Vì thế tháng 6 năm 2020, chị đã đưa con về nhà ngoại sinh sống. Anh N cứ uống rượu vào là xuống nhà chị chửi bới, gây sự khiến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Theo anh N, mâu thuẫn vợ chồng là do trong thời gian anh đi làm ăn xa, chị Lan A thường xuyên kiểm soát về nhà ngoại. Anh có nghe thông tin chị Lan A không chung thủy với anh, quan hệ cụ thể với người đàn ông nào thì anh không rõ. Nay chị Lan A xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh N. Anh N mong muốn hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nên không đồng ý ly hôn chị Lan A.

Về con chung: Anh chị 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 07/3/2019, hiện đang ở với anh N. Nếu vợ chồng ly hôn, anh N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Lan A đồng ý giao con chung cho anh Nam nuôi dưỡng và đề nghị được gặp gỡ, thăm nom cháu. Hiện tại anh N làm nông nghiệp với bố mẹ, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng. Gia đình anh có nhà ở rộng rãi, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Chị Lan A hiện chưa có việc làm và đang ở nhờ nhà dì ruột, không có nơi ở ổn định nên chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Chị Lan A và anh N đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Qua xác minh với ông Á- cán bộ tư pháp xác nhận: Chị Lan A và anh N được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Quá trình sinh sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được nhưng nay anh chị đã không chung sống cùng nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Chị Lan A đã về nhà ngoại ở B 3 sinh sống. Nay chị Lan A xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Lan A vắng mặt. Anh N đồng ý ly hôn chị Lan A. Đối với con chung: Anh N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn H, sinh ngày 07/3/2019 và tự nguyện không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83,

Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Lan A được ly hôn với anh Phạm Văn N. Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 07/3/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nam không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Lan A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Hoàng Lan A khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn N có địa chỉ cư trú tại xã B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lan Anh vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lan A.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Lan A và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, do anh N mãi chơi, gây thất thoát kinh tế gia đình. Đến tháng 6 năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng trầm trọng, kéo dài. Anh N có nghi ngờ chị Lan A có quan hệ với người đàn ông khác. Sau khi mâu thuẫn, chị L đã về nhà ngoại ở B 3, Bắc An sinh sống. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đó đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh Nam không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa, anh Nam nhất trí ly hôn chị Lan A. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Lan A anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận chị Lan A được ly hôn anh N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

#### **[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:**

Cháu H còn nhỏ nhưng đang sinh sống ổn định cùng với anh N và ông bà nội. Chị Lan A hiện không có việc làm, không có thu nhập và không có chỗ ở ổn định. Vì vậy, việc giao cháu Phạm Văn H, sinh ngày 07/3/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và thỏa thuận của anh chị. Về mức cấp dưỡng, anh

N tự nguyện không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung với anh, xét yêu cầu của anh là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị Lan A và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Lan A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Lan A.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Lan A ly hôn anh Phạm Văn N.

- Về con chung: Giao con chung của anh chị là Phạm Văn H, sinh ngày 07/3/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị Lan A có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Lan A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị Lan A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002773 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- UBND xã Bắc An, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**